

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2024/DS-ST
Ngày 05-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh;
- Bà Nguyễn Thị C Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Dương Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Lâm Thuý Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 140/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị A**, sinh năm 1966; địa chỉ: số A1, ôA2, tổ A3, ấp A4, xã A5, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện uỷ quyền của bà A: ông Huỳnh Thanh B, sinh năm 1993; địa chỉ: số B1, tổ B2, ấp B3, xã B4, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản uỷ quyền ngày 14/3/2024); có mặt.

- **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1988; địa chỉ: số C1, đường số C2, đường C3, ấp C4, xã C5, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1992; địa chỉ: ô D1, ấp D2, xã D3, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 5 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Lê Thị A và người đại diện hợp pháp của bà A trình bày:

Bà A không có bà con họ hàng gì với bà Nguyễn Thị C, mà chỉ quen biết bà C do bà Nguyễn Thị D giới thiệu nên bà A có cho bà C vay tiền. Từ trước đến nay bà A chỉ cho bà C vay tiền 01 lần vào ngày 29/8/2023 số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận miệng 20%/năm, thời hạn trả thoả thuận miệng 01 tháng kể từ ngày vay. Khi vay tiền có bà Nguyễn Thị D làm chứng, bà D viết toàn bộ nội dung giấy vay tiền, sau đó bà A và bà C ký tên xác nhận. Trong giấy vay tiền này bà D còn viết “Người bảo lãnh Nguyễn Thị D nếu chị Nguyễn Thị C không trả tôi xin chịu trách nhiệm” nội dung này viết để thể hiện việc 03 bên thoả thuận nếu bà Nguyễn Thị C không trả tiền cho bà Lê Thị A, thì bà Nguyễn Thị D là người giới thiệu phải trả tiền cho bà A. Bản chính giấy vay tiền này được lập thành 01 bản chính do bà A giữ, còn bà C giữ bản photo. Mục đích bà C vay tiền để trả tiền mua chiếc xe honda hiệu vision. Sau khi vay tiền bà C không có trả cho bà A tiền lãi, tiền gốc gì cả. Bà A có liên hệ bà D thông báo việc bà C không trả tiền và yêu cầu bà D trả thay bà C nhưng bà D không thực hiện. Tuy nhiên việc này hai bên cũng chỉ nói chuyện qua điện thoại.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị D liên đới trả cho bà A số tiền 50.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất 20%/năm từ ngày 29/9/2023 đến khi Toà án xét xử xong vụ án, Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bà Lê Thị A hiện cũng đang khởi kiện bà Nguyễn Thị D tại hồ sơ thụ lý số 210/2024/TLST-DS ngày 21/5/2024 của Toà án nhân dân thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh đối với số tiền bà A yêu cầu bà D trả 505.000.000 đồng nhưng số tiền 50.000.000 đồng trong vụ án này không liên quan đến số tiền mà bà A khởi kiện riêng bà D 505.000.000 đồng.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị C: đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần theo quy định nhưng bà không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để làm việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần theo quy định nhưng bà không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để làm việc.

Tại phiên toà:

Người đại diện hợp pháp của bà A trình bày: Bà A xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu buộc bà D cùng có trách nhiệm liên đới với bà C trả số tiền này. Ngoài ra, bà A không còn yêu cầu gì khác.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A đối với bà Nguyễn Thị C, buộc bà C phải trả cho bà A số tiền 50.000.000 đồng, ghi nhận bà A không yêu cầu tính lãi. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà A về việc buộc bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị C trả số tiền nêu trên. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1]. Về Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: nguyên đơn – bà Lê Thị A khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn – bà Nguyễn Thị C trả số tiền vay, do bị đơn có nơi cư trú tại xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh do đó căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[1.1] Về tố tụng: bị đơn – bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không lý do do đó căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định pháp luật. Ông Nguyễn Văn Ty là chồng của bà Lê Thị A từ chối tham gia tố tụng trong vụ án vì ông Ty cho rằng số tiền bà A khởi kiện trong vụ án này là tiền riêng của bà A không liên quan đến ông do đó Tòa án không tiến hành triệu tập cũng như không đưa ông Ty vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.2]. Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của bà A trình bày xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị C trả số tiền nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A thấy rằng:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án cho bị đơn – bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà C, bà D không hợp tác, không tham gia phiên họp, không tham gia phiên tòa cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình theo quy định tại khoản 5 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà A về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị D liên đới trả cho bà A số tiền 50.000.000 đồng, thấy rằng:

Căn cứ “Giấy vay nợ” đề ngày 29/8/2023 có nội dung thể hiện bà Nguyễn Thị C có vay của bà Lê Thị A số tiền 50.000.000 đồng, có chữ ký “Nguyễn Thị C” nhưng không thể hiện lãi suất và thời hạn vay, bà A và người đại diện hợp pháp của bà A cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh vay có lãi và có thời hạn vay, do đó căn cứ khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự xác định giao dịch giữa bà A và bà C là giao dịch vay không kỳ hạn và không có lãi, nên bà C có trách nhiệm trả lại số tiền vay 50.000.000 đồng cho bà A là phù hợp theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận, tại phiên tòa người đại diện uỷ quyền của bà A không yêu cầu tính lãi.

[2.3]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A đối với bà Nguyễn Thị C, buộc bà C có trách nhiệm trả cho bà A số tiền 50.000.000 đồng.

[3]. Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí trên số tiền phải trả theo quy định khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A đối với bà Nguyễn Thị C về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị A số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Ghi nhận bà A không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị C trả số tiền 50.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị C phải chịu tiền án phí **2.500.000 đồng** (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị A số tiền tạm ứng án đã nộp **1.250.000 đồng** (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0011202 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tx. Hòa Thành;
- Chi cục THADS tx. Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Hòa